TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **207**/2025/DS-PT
Ngày 02 - 6 - 2025
(V/v tranh chấp chia thừa kế
Và đòi tài sản)

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Minh Trung**

Bà **Châu Minh Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Như Nguyện** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thanh Thùy** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/4, 30/5 và 02/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp chia thừa kế và đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Quách Hữu P**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tố N, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: Hẻm T, Huỳnh Thúc K, khóm H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Quách Hữu C**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Ông Đặng Huỳnh Q, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Khóm G, phường H, Tp ., tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2025) (có mặt).

2. Ông **Quách Hữu V**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Bà **Quách Hồng T**, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số C, đường P, khóm C, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Quách Hữu T1**, sinh năm 1956.

2. Bà **Quách Thị T2**, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3. Ông **Quách Hữu M**, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

4. Ông **Quách Hữu T3**, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

5. Bà **Tống Diệu H**, sinh năm 1974.

6. Ông **Trần Minh Ú**, sinh năm 1971.

7. Bà **Trần Phương T4**, sinh năm 1973.

8. Chị **Trần Anh T5**, sinh năm 1998.

9. Chị **Trần Anh T6**, sinh năm 2004.

10. Ông **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1968.

11. Bà **Trương Cẩm H1**, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trương Cẩm H1: Ông Huỳnh Tấn A – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

12. Anh **Quách L**, sinh năm 2005; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Quách L: Ông Lâm Văn G – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

13. Ông **Nguyễn Minh T7**, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Quách Hũu C2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Hữu P và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Tố N trình bày:

Sinh thời cụ Quách Hữu N1 và cụ Trương Kim C3 có 08 người con gồm Quách Hữu T1, Quách Hữu M, Quách Thị T2, Quách Hữu V, Quách Hữu T3, Quách Hữu P, Quách Hồng T, Quách Hữu C. Cụ N1 và cụ C3 có khai phá một

phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích khoảng 48.145m^2 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Năm 2007 cụ N1 chết, đến ngày 15/4/2011, cụ C3 và các con có lập biên bản họp thân tộc để phân chia đất. Do Nhà nước có thu hồi một phần đất để làm cống Kênh 6 Thước, gia đình thống nhất giao ông C đứng tên phần đất để thuận tiện việc nhận tiền bồi thường làm cống và tách Giấy chứng nhận cho các anh chị em và phần còn lại 28.000m^2 cho cụ C3. Ngày 20/12/2011 ông C được cấp Giấy chứng nhận phần đất diện tích 45.579m^2. Ông C không thực hiện việc tách sổ mà vay ngân hàng để nuôi tôm công nghiệp. Cụ C3 biết việc này nên đã thống nhất với các con mượn tiền của ông M là 500.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng đồng thời tách 10 công đất cho ông M tương đương số tiền 500.000.000 đồng. Do không thực hiện được việc tách quyền sử dụng đất nên gia đình thống nhất chuyển lại cho cụ C3 đứng tên Giấy chứng nhận phần đất diện tích 48.145,8m^2 vào ngày 04/02/2020. Ngày 06/6/2020 cụ C3 lập di chúc định đoạt phần đất này. Ngày 13/5/2021, cụ C3 chết, khi công bố di chúc của cụ C3 thì ông C, ông V, bà T không đồng ý. Do đó, ông P yêu cầu công nhận di chúc, chia di sản theo di chúc cho ông được nhận phần đất nuôi trồng thủy sản 4.086,7m^2, phần đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm 144,8m^2, phần còn lại chưa phân chia 3.643,5m^2 đất trồng cây lâu năm và 24.575,4m^2 đất nuôi trồng thủy sản, tổng diện tích là 32.305,6m^2; yêu cầu ông C di dời ao tôm công nghiệp trên phần đất mà ông P được nhận; đồng ý trả cho ông M số tiền 500.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật. Đối với các yêu cầu công nhận và chia theo di chúc ông P thống nhất, đối với yêu cầu công nhận và chia theo biên bản họp thân tộc thì ông P không thống nhất.

***Bị đơn ông Quách Hữu C trình bày*:** Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P và yêu cầu độc lập của ông M. Ông yêu cầu Tòa án tuyên bố bản di chúc do bà Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 là vô hiệu, yêu cầu công nhận biên bản họp thân tộc gia đình ngày 15/4/2011, phân chia cho ông được hưởng các phần đất theo biên bản họp thân tộc gồm: phần đất 10 công tầm lớn nuôi trồng thủy sản, phần đất nuôi trồng thủy sản chiều ngang 38m dài 125m diện tích 4.750m^2 và phần đất nền ngang 16m dài đến mé sông C, tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn ông Quách Hữu V trình bày: Ngày 15/4/2011 mẹ ông là bà Trương Kim C3 và anh em trong gia đình đã tiến hành họp thân tộc để phân chia phần đất do cha ông đứng tên. Sau khi biên bản họp thân tộc đã được lập và đã được Ủy ban chứng thực thì anh em ông đã tiến hành phân chia di sản nêu trên và quản lý sử dụng ổn định, lâu dài nhưng chưa kê khai quyền sử dụng đất. Ông không thống nhất với di chúc vì ông cho rằng tình trạng sức khỏe, tinh thần của cụ C4 đảm bảo để lập di chúc, những người ký và chứng thực tại bản di chúc chưa rõ ràng và chưa đúng quy định pháp luật, thời điểm lập di chúc thì biên bản họp thân tộc có hiệu lực pháp luật và đã được thực hiện. Ông yêu cầu tuyên bố bản di chúc do bà Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 là vô hiệu, yêu cầu công nhận biên bản họp thân tộc gia đình ngày 15/4/2011, phân chia cho ông được hưởng phần đất diện tích 144,3m^2 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

***Bị đơn bà Quách Hồng T trình bày*:** Bà yêu cầu tuyên bố bản di chúc do bà Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 là vô hiệu, yêu cầu công nhận biên bản họp thân tộc gia đình ngày 15/4/2011, phân chia cho bà được hưởng phần đất nuôi

trồng thủy sản diện tích 3584,4m^2 và phần đất nền diện tích 144,5m^2 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị T2 trình bày: Bà yêu cầu công nhận di chúc do bà Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 là hợp pháp, yêu cầu phân chia di sản theo di chúc, cho bà được nhận phần đất nuôi trồng thủy sản theo kết quả đo đạc thực tế là 4.807,3m^2 và một nền nhà theo kết quả đo đạc thực tế là 145,1m^2. Bà yêu cầu ông Trần Minh Ú, bà Trần Phương T4 di dời nhà để trả lại phần đất mà bà được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hữu T3 trình bày: Ông yêu cầu công nhận di chúc do bà Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 là hợp pháp, yêu cầu phân chia di sản theo di chúc, cho ông được nhận phần đất theo kết quả đo đạc thực tế là 145m^2.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hữu M trình bày: Ông M thống nhất chia di sản theo di chúc, yêu cầu ông P trả cho ông số tiền 1.066.143.000 đồng, trong đó vốn là 500.000.000 đồng, lãi từ ngày 10/4/2019 tính đến ngày 31/12/2024 là 566.143.000 đồng; nếu chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Hữu C, trường hợp chia theo biên bản họp thân tộc thì yêu cầu ông C trả cho ông M số tiền trên. Giao dịch giữa ông M và ông C là chuyển nhượng, mặc dù không có tài liệu chứng minh việc chuyển nhượng nhưng thực tế đã có liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đo đạc, do có trở ngại nên không thực hiện được việc chuyển tên, do đó việc ông M yêu cầu lãi suất là một hình thức yêu cầu bồi thường thiệt hại do những lợi ích chính đáng của M được hưởng. Do ông M tôn trọng di chúc nên yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả lại số tiền này, trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận di chúc thì ông C phải có nghĩa vụ trả tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2024 của ông Trần Minh Ú, văn bản trình bày ý kiến ngày 20/9/2024 của ông Trần Minh Ú và bà Trần Phương T4 thể hiện: Năm 2020 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Quách Hữu C một phần đất nền ngang 5m, dài từ mé lộ xe Đầm Dơi – T xuống sông C với giá 70.000.000 đồng, nằm trong phần đất mà ông C được mẹ là bà Trương Kim C3 cho có chiều ngang 16m. Vợ chồng ông đã làm nhà cấp 4, cây gỗ địa phương, mái lợp tol lạnh, vách lá, nền tráng xi măng để ở. Ông biết vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa các anh chị em ông C. Tuy nhiên vợ chồng ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, trường hợp có tranh chấp với ông C về hợp đồng chuyển nhượng thì vợ chồng ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Trong vụ án này, nếu Tòa án chia cho ông C được hưởng phần đất mà ông đang sử dụng thì ông với ông C sẽ tự thỏa thuận làm thủ tục theo quy định, nếu Tòa án chia cho người thừa kế khác được hưởng phần đất ông đang sử dụng thì vợ chồng ông đồng ý di dời tài sản, về chi phí di dời vợ chồng ông cũng sẽ tự thỏa thuận với ông C.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 19/8/2024 và phiên tòa ngày 26/11/2024, ông Nguyễn Minh T7 trình bày: Ngày 01/12/2020 ông Quách Hữu C và bà Tống Diệu H có chuyển nhượng cho ông phần đất ngang 5m, dài từ mặt lộ xuống mé sông phía đông giáp với ông Trần Minh Ú, phía Tây chưa có chủ với giá

70.000.000 đồng. Do đất đang tranh chấp nên ông C, bà H hứa nếu sau này Tòa xử phần đất này không thuộc về ông C, bà H thì sẽ hoàn trả lại cho ông phần đất có đường lộ như phần đất cũ nên ông chấp nhận và không có ý kiến gì khác. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Hữu T1 trình bày: Đất do cha ông là ông Quách Hữu N1 khai phá, ông thống nhất thực hiện theo Biên bản phân chia năm 2011, không đồng ý di chúc do thời gian cụ C5 di chúc thì bệnh điều trị nhiều nơi, không thể tự vệ sinh cá nhân, không lo cho bản thân được. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này do đã được cha mẹ cho một phần đất khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Hữu P, yêu cầu độc lập của bà Quách Thị T2, ông Quách Hữu T3 về việc yêu cầu công nhận di chúc do cụ Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 21/7/2020 là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế theo di chúc.

Phân chia cho ông Quách Hữu C hưởng thửa đất 1139, 1140, 1147, 1148, 1149 với tổng diện tích 3.971,1m^2.

Phân chia cho bà Quách Hồng T hưởng thửa đất 1138, 1145 với tổng diện tích 3.728,9m^2.

Phân chia cho ông Quách Hữu V hưởng thửa đất 1146 với diện tích 144,3m^2.

Phân chia cho bà Quách Thị T2 hưởng thửa đất 1136 và thửa đất được xác định bởi các điểm M57, M38, A, A1 với tổng diện tích 4.952,2m^2. Vị trí điểm A được xác định từ M57 đo về điểm M58 một đoạn bằng 5,04m, vị trí điểm A1 được xác định từ điểm M38 đo về điểm M36 một đoạn bằng 5,01m, độ dài đoạn AA1 là 29,06m.

Phân chia cho ông Quách Hữu T3 hưởng thửa đất được xác định bởi các điểm A, A1, B, B1 với diện tích 147,2m^2. Vị trí điểm B được xác định từ điểm A đo về điểm M58 một đoạn bằng 5,04m, vị trí điểm B1 được xác định từ điểm A1 đo về điểm M36 một đoạn bằng 5,01m, độ dài đoạn BB1 là 29,77m.

Phân chia cho ông Quách Hữu P hưởng phần đất còn lại có tổng diện tích 32.158,3m^2.

Phần đất được phân chia tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 05/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ)

Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, hoàn tất thủ tục đứng tên đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Giao căn nhà và cống xổ của cụ Trương Kim C3 cho ông Quách Hữu P quản lý.

Buộc ông Quách Hữu C di dời phần ao bạt trên phần đất mà ông Quách Hữu P được phân chia để trả lại cho ông P.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Hữu C, ông Quách Hữu V, bà Quách Hồng T về việc yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 06/6/2020 của cụ Trương Kim C3 là vô hiệu và phân chia di sản theo biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Quách Hữu M, buộc ông Quách Hữu P có nghĩa vụ trả cho ông Quách Hữu M 785.520.000 (bảy trăm tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Quách Hữu M về việc yêu cầu ông P trả số tiền 280.623.000 (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 09/01/2025 ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, tuyên bố di chúc ngày 06/6/2020 do bà Trương kim C3 lập vô hiệu, công nhận việc phân chia đất theo biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011, theo đó ông được hưởng 10 công đất tầm lớn nuôi trồng thủy sản, phần đất ngang 38m dài 95m, diện tích 3.610m^2 đất nuôi trồng thủy sản, đất nền nhà ngang 16m dài 29,5m, diện tích 472m^2, và các phần đất còn lại.

Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện của ông C cho rằng biên bản phân chia đất ngày 15/4/2011 được cụ C6 các anh em thừa nhận có chính quyền địa phương tham dự và chứng thực nên có giá trị thực hiện, việc cụ C7 di chúc là không đúng vì thời điểm đó đất đã được phân chia xong, cụ C8 bệnh nhân thức hạn chế không có xác nhận của cơ sở y tế về nhận thức của cụ C9 di chúc không có giá trị, phần đất phân chia theo di chúc không đồng đều, ông P được hơn 20.000m^2, ông C chỉ được hơn 3.000m^2, buộc ông C di dời phần ao bạt mà chưa xem xét công sức của ông là chưa phù hợp, nên kiến nghị HĐXX không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn trình bày, biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011 chưa được anh em thực hiện, trong biên bản này ghi phần đất còn lại cụ Cúcsử dụng, các anh em còn thiếu một người là Quách Hữu T1 không ký, đến ngày 06/11/2011 cụ C6 tất cả anh em lập lại biên bản để cho ông C thừa kế đứng tên QSDĐ để dễ dàng mọi vấn đề, ngày 13/01/2020 ông C lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất cho bà C3, ngày 06/6/2020 cụ C5 di chúc nội dung đầy đủ như biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011, có một điểm chỉnh sửa là phần đất giao cho bà sử dụng bà để lại toàn bộ cho ông P, di chúc này được UBND chứng thực, khi chứng thực có quay video đã nộp trong hồ sơ, khi lập di chúc cụ C10 toàn minh mẫn, nên di chúc này là hợp pháp, kiến nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Lâm Văn G bảo vệ quyền lợi cho ông L không trình bày gì thêm, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng HĐXX và các đương sự chấp hành đúng quy định của bộ luật TTDS. Về nội dung di chúc của cụ C5 về điều kiện đúng quy định của pháp luật, được quay video cụ thể, cụ C10 toàn minh mẫn, nên kiến nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được ông C thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, nên HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của ông theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

[2] Xét kháng cáo của ông C: Toàn bộ phần đất thể hiện trong biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011 được tất cả các đương sự thừa nhận là của cụ Quách Hữu N1 và cụ Trương Kim C3, hai cụ có 08 người con gồm Quách Hữu T1, Quách Hữu M, Quách Thị T2, Quách Hữu V, Quách Hữu T3, Quách Hữu P, Quách Hồng T, Quách Hữu C. Tổng diện tích đất của hai cụ N1, C3 có được theo mảnh trích đo ngày 05/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo vẽ là 45.102m^2, cụ N1 mất năm 2007 không để lại di chúc, lẽ ra thời điểm này di sản của cụ N1 là ½ diện tích đất bằng 22.551m^2 được phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật làm 9 kỷ phần, mỗi kỷ phần bằng 2.505,7m^2, lúc này tài sản của cụ C3 được xác định là ½ tài sản của hai cụ cộng với 1/9 di sản của cụ N1 bằng 22.551m^2 + 2.505,7m^2 = 25.057m^2. Tuy nhiên cụ C3 và 8 người con của cụ không yêu cầu chia thừa kế mà tự thỏa thuận phân chia tài sản thể hiện tại biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011, tính từ thời điểm họp thân tộc cho đến nay tất cả các đương sự đều thống nhất với nội dung phân chia đất như biên bản ngày 15/4/2011, theo đó phần đất của cụ C3 được nhận sử dụng tương đương 28.218m^2, so với diện tích tạm tính thừa kế theo pháp luật nêu trên thì diện tích đất của cụ C3 chênh lệch không nhiều, đồng thời các đương sự không ai đặt ra yêu cầu phân chia lại thừa kế đất của cụ N1, hơn nữa sau khi lập biên bản phân chia ông C và ông P đã nhận đất sử dụng cho đến nay, bản thân ông C đã chuyển nhượng hai nền nhà trên phần đất vườn ông được phân chia cho người khác cất nhà ở, nên nội dung phân chia đất tại biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011 có giá trị thực hiện không thay đổi.

Việc ông C kháng cáo cho rằng biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011 đã phân chia cho ông ½ diện tích đất của cụ C3, nhưng đây là cách hiểu của ông C, không phù hợp với thực tế bởi khi phân chia đất cho ai thì người đó được sử dụng, được tặng cho hoặc chuyển nhượng cho người khác, trong biên bản họp thân tộc tuy có ghi *"...sau khi bà 100 tuổi già thì phần đất này chia cho hai thanh viên trong gia đình trong đó có Quách Hữu C và một người nữa do bà chọn sau ..."* đây không phải là hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ C3 với ông C, mà đây được hiểu là lời hứa của cụ C3. Hay nói cách khác là ý định của cụ C3 có thể sẽ thực hiện sau khi cụ qua đời, đến ngày 06/11/2011 cụ C3 và các anh em tiếp tục họp gia đình để cho ông C đứng tên QSDĐ toàn bộ phần đất của hai cụ, mục đích cho

"…*thuận tiện về sau…"*, cụ thể tại phiên tòa người đại diện của ông C cho rằng sau khi ông C đứng tên QSDĐ ông C sẽ chuyển tên cho các anh em được phân chia đất theo biên bản ngày 15/4/2011. Tuy nhiên sau khi được cấp QSDĐ ông C lại đem thế chấp toàn bộ đất cho Ngân hàng, việc này hoàn toàn ngoài ý chí của cụ C3 và tất cả anh em trong gia đình, quan trọng là sau khi vay tiền ông mất khả năng thanh toán, do đó khả năng đất bị Ngân Hàng siết nợ, bán đi để thanh toán khoản vay của ông C, chứng minh cho điều này là việc ông C phải dùng tiền của ông M 500.000.000đ để thanh toán nợ cho Ngân hàng, chuộc giấy chứng nhận QSDĐ về, cho đến nay vẫn chưa thanh toán lại cho ông M số tiền này. Điều này chứng minh rằng ông C đã vi phạm nghĩa vụ của ông theo biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011 và biên bản họp gia đình ngày 06/11/2011 đối với mọi người trong gia đình, đối với cụ C3 còn vi phạm cả điều kiện để được cụ C3 cho đất, đó là "…*sau khi cụ cúc 100 tuổi già…"*. Vì vậy cụ C3 đã thay đổi ý định cho đất và đòi ông C trả lại phần đất của cụ, chứng minh vấn đề này tại phiên tòa người đại diện của ông C khai nếu không trả đất sợ cụ C3 tức chết nên đồng ý trả lại, về mặt thủ tục chuyển tên từ ông C sang cụ C3 được các đương sự thừa nhận hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật, hồ sơ chuyển nhượng được thu thập tại bút lục số 121 đến 133, giấy chứng nhận QSDĐ đã được UBND huyện Đ cấp cho cụ C3 ngày 04/02/2020. Khi cụ C3 được cấp QSDĐ, theo quy định tại điều 106 Luật đất đai năm 2003 cụ C3 có quyền lập di chúc thừa kế đối với phần đất cụ đã được cấp QSDĐ, thực tế ngày 06/6/2020 cụ C3 lập di chúc có nội dung giống như biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011, chỉ khác một điểm là hai phần đất của cụ, cụ cho ông P toàn bộ mà không cho ông C. Về hình thức, về nội dung của di chúc không trái quy định của pháp luật, thỏa mãn các quy định tại các Điều 624, 626, 627, khoản 4 Điều 628, khoản 1 Điều 630 của Bộ luật Dân sự, kháng cáo của ông C cho rằng di chúc của cụ C3 vô hiệu do khi lập di chúc cụ C3 lớn tuổi bị bệnh, nhận thức hạn chế nhưng không có xác nhận tình trạng nhận thức của cụ C3 của cơ sở y tế, chứng thực di chúc tại nhà không đúng quy định. Ngoài ra khi lập di chúc đại diện chính quyền đến tận nhà đọc di chúc và quay video, đọc lại tường tận cho cụ C3 nghe, cụ C3 nhận thức được và ký tên vào di chúc, quan trọng là khi lập di chúc cụ C3 còn nhận thức và xử lý cả hậu quả của việc ông C nhận tiền 500.000.000đ của ông M để giải quyết việc thế chấp đất cho Ngân hàng, cụ chỉ định cho ông P là người nhận đất và có nghĩa vụ thanh toán số tiền đó cho ông M, nên không có cơ sở cho rằng di chúc cụ C3 lập vô hiệu như ông C kháng cáo. Mặt khác nếu tính theo nội dung biên bản họp thân tộc ngày 15/4/2011, cụ C3 được nhận tổng cộng 25.057m^2 đất *(như đã tính trên),* ông C được cụ C3 hứa cho ½ bằng 12.528,5m^2, tính theo giá trị đất mà cơ quan thẩm định giá đã thẩm định (BL 284 đến 289) thì giá trị phần đất ông C được nhận tương đương 964.694.000đ, thực tế ông C được phân chia đang quản lý sử dụng 3.681m^2 tương đương 283.437.000đ, cộng với nghĩa vụ ông phải thanh toán cho ông M tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm mà án sơ thẩm đã tuyên là 785.520.000đ, bằng 1.068.957.000đ, đối chiếu hai khoản tiền này thực tế ông C có lợi hơn so với giá trị được nhận theo biên bản ngày 15/4/2011, do đó kháng cáo của ông C không được chấp nhận, án sơ thẩm Quyết định là có cơ sở. Đối với vấn đề người đại diện của ông C cho rằng án sơ thẩm buộc ông C di dời phần ao bạt trên phần đất mà ông P

được phân chia để trả lại cho ông P mà không xem xét đến công sức của ông C, vấn đề này tại phiên tòa sơ thẩm HĐXX có đặt ra nhưng ông C không yêu cầu, án sơ thẩm chưa xem xét đến, kháng cáo ông C cũng không có nội dung này, nên cấp phúc thẩm không thể can thiệp.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Án phí phúc thẩm và chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: Ông C phải chịu theo quy định tại điều 148, 157 Bộ luật TTDS.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148, 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của ông Quách Hữu C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Hữu P, yêu cầu độc lập của bà Quách Thị T2, ông Quách Hữu T3 về việc yêu cầu công nhận di chúc do cụ Trương Kim C3 lập ngày 06/6/2020 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 21/7/2020 là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế theo di chúc.

- Phân chia cho ông Quách Hữu C hưởng thửa đất 1139, 1140, 1147, 1148, 1149 với tổng diện tích 3.971,1m^2.

- Phân chia cho bà Quách Hồng T hưởng thửa đất 1138, 1145 với tổng diện tích 3.728,9m^2.

- Phân chia cho ông Quách Hữu V hưởng thửa đất 1146 với diện tích 144,3m^2.

- Phân chia cho bà Quách Thị T2 hưởng thửa đất 1136 và thửa đất được xác định bởi các điểm M57, M38, A, A1 với tổng diện tích 4.952,2m^2. Vị trí điểm A được xác định từ M57 đo về điểm M58 một đoạn bằng 5,04m, vị trí điểm A1 được xác định từ điểm M38 đo về điểm M36 một đoạn bằng 5,01m, độ dài đoạn AA1 là 29,06m.

- Phân chia cho ông Quách Hữu T3 hưởng thửa đất được xác định bởi các điểm A, A1, B, B1 với diện tích 147,2m^2. Vị trí điểm B được xác định từ điểm A đo về điểm M58 một đoạn bằng 5,04m, vị trí điểm B1 được xác định từ điểm A1 đo về điểm M36 một đoạn bằng 5,01m, độ dài đoạn BB1 là 29,77m.

- Phân chia cho ông Quách Hữu P hưởng phần đất còn lại có tổng diện tích 32.158,3m^2.

Phần đất được phân chia tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau *(Kèm theo Mảnh đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 05/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).*

Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký, hoàn tất thủ tục đứng tên đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Giao căn nhà và cống xổ của cụ Trương Kim C3 cho ông Quách Hữu P quản lý.

- Buộc ông Quách Hữu C di dời phần ao bạt trên phần đất mà ông Quách Hữu P được phân chia để trả lại cho ông P.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Hữu C, ông Quách Hữu V, bà Quách Hồng T về việc yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 06/6/2020 của cụ Trương Kim C3 là vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Quách Hữu M, buộc ông Quách Hữu P có nghĩa vụ trả cho ông Quách Hữu M 785.520.000 (bảy trăm tám mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Quách Hữu M về việc yêu cầu ông P trả số tiền 280.623.000 (hai trăm tám mươi triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

4. Về chi phí tố tụng:

- Buộc ông Quách Hữu C trả cho ông Quách Hữu P 4.893.593 (bốn triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm chín mươi ba) đồng. Ông C phải chịu chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm là 1.000.000đ, số tiền này ông đã nộp tạm ứng thanh toán xong

- Buộc bà Quách Hồng T trả cho ông Quách Hữu P 4.429.357 (bốn triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bảy) đồng.

- Buộc ông Quách Hữu V trả cho ông Quách Hữu P 218.464 (hai trăm mười tám nghìn bốn trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Buộc bà Quách Thị T2 trả cho ông Quách Hữu P 5.865.758 (năm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi tám) đồng.

- Buộc ông Quách Hữu T3 trả cho ông Quách Hữu P 223.925 (hai trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Quách Hữu V, Quách Hữu M, bà Quách Thị T2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Quách Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 65.132.451 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.692.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000279 ngày 10 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm

Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông P phải nộp tiếp 58.440.451 (năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng.

+ Ông Quách Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.347.045 đồng. Ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.149.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001234 ngày 21 tháng 5 năm 2024 và số 0001725 ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông C phải nộp tiếp 8.198.045 (tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng.

+ Bà Quách Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.822.440 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001248 ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Bà T phải nộp tiếp 12.422.440 (mười hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng.

+ Ông Quách Hữu T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 736.000 đồng. Ông T3 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.206.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001323 ngày 07 tháng 6 năm 2024 được đối trừ. Ông T3 được nhận lại 470.000 (bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông C phải chịu 300.000đ, ngày 10/01/2025 ông đã dự nộp số tiền này theo lai thu số 02488 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế